

A. MA TRẬN:

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ 4 chữ, 5 chữ	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1		Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được từ láy. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Kể lại sự việc có	Nhận biết: Viết được bài văn đúng kiểu bài kể lại một sự việc	1TL*	1TL*	1TL*	1TL*

		thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Thông hiểu: Trình bày theo trình tự nhất định, có bố cục sử dụng ngôi kể hợp lí. Vận dụng: Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. Biết vận dụng ngôn ngữ, kĩ năng kể bài thể hiện cảm xúc trước câu chuyện được kể. Vận dụng cao: Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc				
Tổng			3 TN 1TL*	5 TN 1TL*	2 TL 1TL*	1TL *
Tỉ lệ %			20%	40%	30%	10%
Tỉ lệ chung			60%		40%	

**PHÒNG GD - ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

Năm học 2024 - 2025

Môn: Ngữ văn 7

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. Phần 1. Đọc - hiểu văn bản (6 điểm): Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

A. Trắc nghiệm: 2 điểm

Chọn đáp án đúng và ghi lại chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời vào bài làm của em.

*Ngày mai con đi xa
Mẹ đừng buồn mẹ nhé
Chín tháng nhanh như mây
Trôi miên man đầu gối*

*...Mẹ ơi những ngày xa
Là con thương mẹ nhất
Mẹ đặt tay lên tim
Có con đang ở đó*

*Mẹ đừng rơi nước mắt
Đừng buồn lúc chiều buông
Đừng quên ngàn câu hát
Cho thêm nhà nở hoa*

*Như ngọt ngào cơn gió
Như nồng nàn cơn mưa
Vội vạy ngàn nỗi nhớ
Mẹ dịu dàng trong con!
(Trích “Dặn mẹ”, Đỗ Nhật Nam)*

*Con nhờ chim sơn ca
Hát ngoài vườn mỗi sớm
Nhờ nắng mai lan xa
Gội trên nguồn tóc rối*

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ bốn chữ
- B. Thơ năm chữ
- C. Thơ sáu chữ
- D. Thơ tự do

Câu 2. Cho biết cách ngắt nhịp chủ yếu của đoạn thơ?

- A. Ngắt nhịp 2/3
- B. Ngắt nhịp 1/4; 2/3
- C. Ngắt nhịp 3/2; 1/2/2
- D. Ngắt nhịp 2/3; 3/2

Câu 3. Đoạn thơ trên là lời của ai?

- A. Lời dặn của con với mẹ khi con đi xa.
- B. Lời dặn của mẹ với con khi con đi xa.
- C. Lời dặn của con với mẹ khi mẹ đi xa.
- D. Lời dặn của mẹ với con khi mẹ đi xa.

Câu 4. Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào: “Con nhờ chim sơn ca/Hát ngoài vườn mỗi sớm”?

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 5. Dòng nào nói đúng nhất mong muốn của con về mẹ trong những lời dặn “Mẹ đừng rơi nước mắt/ Đừng buồn lúc chiều buông/ Đừng quên ngàn câu hát/ Cho thêm nhà nở hoa” ?

- A. Mong mẹ không phải buồn phiền mà hãy sống thật tươi vui.
- B. Mong mẹ không phải buồn phiền và giữ gìn sức khỏe.
- C. Mong mẹ không phải buồn phiền và có cuộc sống đầy đủ.
- D. Mong mẹ không phải phiền muộn, lo lắng cho con.

Câu 6. Phương án nào liệt kê đúng nhất những từ láy được dùng trong đoạn thơ trên?

- A. Ngọt ngào, miên man, dịu dàng.
- B. Ngọt ngào, nồng nàn, miên man, vạn ngàn.
- C. Ngọt ngào, miên man, nồng nàn.
- D. Ngọt ngào, miên man, nồng nàn, dịu dàng.

Câu 7. Hai câu thơ “Mẹ đặt tay lên tim/ Có con đang ở đó” không thể hiện ý nghĩa gì?

- A. Trong trái tim người mẹ luôn lưu giữ hình ảnh của con.
- B. Mẹ luôn yêu con tha thiết.
- C. Thể hiện tình yêu mẹ sâu sắc của tác giả.
- D. Khoảng cách xa xôi, cách trở của hai mẹ con.

Câu 8. Nhận định nào sau đây thể hiện được đầy đủ, chính xác nhất về tình mẹ trong bài thơ?

- A. Tình mẹ có ở khắp nơi, tấm lòng mẹ luôn rộng mở, yêu thương, che chở cho con.
- B. Mẹ luôn đồng hành cùng con trong suốt những năm tháng đầu đời.
- C. Mẹ là người luôn che chở, dõi theo con mỗi khi con gặp khó khăn trong cuộc sống.
- D. Mẹ sẵn sàng thức khuya, dậy sớm để chăm chút cho con.

B. Tự luận: 4 điểm

Câu 9 (2,0đ). Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong khổ thơ sau:

*“N Như ngọt ngào cơn gió
N Như nồng nàn cơn mưa
V Với vạn ngàn nỗi nhớ
M Mẹ dịu dàng trong con.”*

Câu 10 (2,0đ).

Qua đoạn thơ cùng tình cảm của bản thân, nêu suy nghĩ của em về tình mẫu tử (trình bày bằng 1 đoạn văn khoảng 6-8 câu).

II. Phần 2: Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	- So sánh: Mẹ - nồng nàn như cơn gió, ngọt ngào như cơn mưa. Tác dụng: - Tăng sức gợi hình, biểu cảm cho sự diễn đạt, làm câu thơ hay hơn,... - Ngợi ca tình mẹ trong trẻo, ngọt ngào, nồng nàn như cơn gió, cơn mưa. Nếu như cơn gió, cơn mưa mang lại sự mát lạnh, tươi mới cho con người, đất trời thì tình yêu thương, sự dịu dàng của mẹ mang lại cho con cảm giác ngọt ngào, ấm áp, hạnh phúc. - Thể hiện tình yêu, nỗi nhớ da diết của con về mẹ khi ở phương xa.	2,0
	10	* Đúng hình thức đoạn văn, đủ dung lượng * Nội dung: - Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề về tình mẫu tử. - Thân đoạn: + Giải thích thế nào là tình mẫu tử. + Biểu hiện. + Ý nghĩa của tình mẫu tử. - Kết đoạn: Khái quát suy nghĩ của bản thân về tình mẫu tử và rút ra liên hệ bản thân.	2,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: HS chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,25

	<i>c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i> <i>HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:</i> - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại. - Nêu lí do hay hoàn cảnh, người viết thu thập tư liệu liên quan. - Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện. - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện lịch sử. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0, 25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện.	0,25

Người ra đề

Tổ trưởng duyệt

BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Vân Anh

Phạm Lan Anh